

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HSST
Ngày 14 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Ngọc Ánh;
- Bà Nguyễn Thị Hoài Như

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chi- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Hoàng Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: **Số D-L, thành phố Đ**), Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2024/HSST ngày 10/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 02/5/2024, đối với bị cáo:

Trần Thị Minh N, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1972, tại: Tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký thường trú: **Thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; Chỗ ở hiện tại: **Khu phố C, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần A** (đã chết) và con bà **Lê Thị Đ** (đã chết); Chồng: **Nguyễn Văn S** (Đã ly hôn), có ba người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án: 01 (một). Ngày 24/5/2002, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, xử phạt: 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 12/HSST), đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành án phí và nghĩa vụ bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông **Trần Hòa K**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Khu phố D, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Lương Công T**, sinh năm 1971; địa chỉ: **Khu phố C, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Võ Thị Hoài T1**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Khu phố D, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11 năm 2023, **Trần Thị Minh N** được ông **Trần Hòa K**; địa chỉ **Khu phố D, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** (ông **K**), thuê chăm sóc mẹ ông **K**. Đến ngày 11/12/2023, do thiếu tiền tiêu xài, **N** đã nảy sinh ý định nhờ ông **K** đứng tên thuê xe mô tô giúp sau đó sẽ mang đi cầm cố. **N** nói với ông **K** “Em gái **N** cần xe để đi dự đám cưới và lấy tiền hàng cho **N** tại **huyện Đ**, nhờ ông **K** thuê giúp cho **N** 01 chiếc xe mô tô”. Tin tưởng vào thông tin **N** đưa ra, ông **K** đến gặp ông **Lương Công T**; địa chỉ **Khu phố C, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** (ông **T**), thuê 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74C1- 091.58, với thời hạn 04 ngày rồi giao chiếc xe này cùng với giấy đăng ký xe mô tô và Chứng minh nhân dân mang tên ông **T**, cho **N** và nói rõ “Thời gian thuê là 04 ngày, với giá 120.000 đồng/ngày. Sau khi nhận xe, **N** điều khiển xe đến tiệm cầm đồ của bà **Võ Thị Hoài T1**; địa chỉ **số G- H, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** (bà **T1**), nói dối “Ông **T** trong giấy đăng ký xe và CMND là chồng của **N**”, rồi mượn số tiền 5.000.000 đồng và để xe và giấy tờ lại làm tin. Số tiền này **N** sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Nghi Nhung lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản, ngày 31/12/2023, ông **K** nộp “Đơn trình báo” đến **Công an P, thành phố Đ**.

[I] Vật chứng thu giữ: Xe mô tô biển kiểm soát 74C1- 091.58; Giấy đăng ký xe mô tô và Chứng minh nhân dân đều mang tên ông **T**.

[II] Kết quả định giá: Tại Bản kết luận định giá số 75/KL-HĐĐGTS ngày 15/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **thành phố Đ**, kết luận: Trị giá xe mô tô Biển kiểm soát 74C1-091.58, tại thời điểm chiếm đoạt là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng chẵn).

[III] Cáo trạng số 55/CT-VKSĐH ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố bị cáo **Trần Thị Minh N** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[IV] Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối

với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Minh N**, phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại (ông **K**) không có yêu cầu bồi thường, ông **T** đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu gì về dân sự, bà **T** đã nhận lại 5.000.000 do bị cáo hoàn trả và không có yêu cầu về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, thấy: Các hoạt động tố tụng về điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[II] Nội dung vụ án:

(1) Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Thị Minh N**, khai nhận:

(1.1) Chiều ngày 30/01/2003, **N** chấp hành xong hình phạt tù theo Bản án số 12/HSST ngày 24/5/2002 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị và nhận được Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 13/GCN ngày 30/01/2003 của Trại tạm giam **Công an tỉnh Q** nhưng **N** không đến trình diện tại **UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** mà chỉ về nhà thăm rồi vào miền nam sinh sống ngay trong đêm 30/01/2003. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2003 đến tháng 12/2022, **N** sinh sống không ổn định ở các tỉnh miền nam và có 02 lần về thăm quê nên **N** biết rõ “Đội thi hành án **huyện G** (Nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh) đã có quyết định buộc **N** phải thi hành án phí (350.000 đồng) và nghĩa vụ bồi thường dân sự (7.000.000 đồng) theo Bản án số 12/HSST. Do không có điều kiện về tài chính nên **N** bỏ mặc cho đến nay vẫn chưa thi hành.

(2.2) Hành vi chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo **Trần Thị Minh N** đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản mà bị

cáo đã thực hiện như nội dung Bản cáo trạng số 55/CT-VKSĐH ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố bị cáo. Lời khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để khẳng định: Với ý thức muốn “Chiếm đoạt tài sản” là xe mô tô của người khác rồi đưa đi cầm cố, lấy tiền tiêu xài, N đã đưa ra thông tin gian dối “Cần xe cho em gái đi dự đám cưới và lấy tiền hàng” để nhờ ông K đi thuê xe hộ cho N. Ông K tưởng lời nói dối của N là thật nên đã thuê xe mô tô của ông T1, với thời hạn 04 ngày rồi giao xe cho N, nhận được xe, N đưa đi cầm tại Tiệm cầm đồ của bà T1 nói dối là xe đứng tên chồng của N để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự an ninh ở địa phương nên phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm.

(2) Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Trần Thị Minh N đã bị kết án (Bản án số 12/HS-ST ngày 24/5/2002 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị), chưa xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội (Mức độ thành khẩn không cao), bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả (Trả lại 5.000.000 đồng cho bà T1); bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

(3) Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm mà bị cáo gây ra trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu (Đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”) nên việc không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội; ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ và cần thiết.

Cần áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo **Trần Thị Minh N**, với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

(4) Về một số vấn đề liên quan trong vụ án: Bà **T1** là người nhận chiếc xe mô tô làm tin để cho **N** mượn tiền nhưng không biết chiếc xe mô tô đó là do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

(5) Về trách nhiệm dân sự: Ông **T** đã nhận lại xe mô tô cùng các giấy tờ; bà **T1** đã nhận lại 5.000.000 do **N** hoàn trả. Ông **T**, ông **K** và bà **T1** không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(6) Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô; Giấy chứng nhận đăng ký xe và chứng minh nhân dân cho ông **T** là có căn cứ.

(7) Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Minh N** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Thị Minh N: **07 (bảy)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí,

Buộc bị cáo **Trần Thị Minh N** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đông Hà;
- Bị cáo, những người TGTG khác;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Q.Trị;
- Công an thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tổ HCTP.

Trần Quốc Huy

